

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU

THỦY SẢN MIỀN TRUNG



SEAPRODEX DANANG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0400100778 đăng ký lần đầu ngày 14/12/2006, thay đổi lần thứ 6 ngày 17/06/2011)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 130/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 12 năm 2011)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1. Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung

Địa chỉ : 261 - 263 Phan Châu Trinh - Q.Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : 0511.3 821 436 Fax: 0511.3 823 769
Email : info@seadanang.com.vn
Website : www.seadanang.com.vn

2. Công ty cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)

Địa chỉ : 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Điện thoại : (04) 3773 7070 Fax: (04) 3773 9058
Website : www.fpts.com.vn

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ : 29 - 31 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 6290 8686 Fax: (08) 6291 0560

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : **Thái Bá Nam**
Chức vụ : Thành viên HĐQT
Điện thoại : 0511.3 821 436 Fax: 0511.3 823 769

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0400100778 đăng ký lần đầu ngày 14/12/2006, thay đổi lần thứ 6 ngày 17/06/2011)



SEAPRODEX DANANG

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 VNĐ/cổ phần
Giá phát hành	: 10.000 VNĐ/cổ phần
Số lượng phát hành	: 2.520.000 cổ phần
Giá trị phát hành	: 25.200.000.000 đồng
Đối tượng phát hành	: Phát hành cho cổ đông hiện hữu

1. Tổ chức tư vấn



Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)

Địa chỉ : 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại : (08) 3773 7070 Fax: (08) 3773 9058

Website : www.fpts.com.vn

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ : 29 -31 Nguyễn Công Trứ, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 6290 8686 Fax: (08) 6291 0560

2. Tổ chức kiểm toán



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ : Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 đường Cầu Giấy, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại : (04) 6267 0491 Fax: (04) 6267 0494

Website : www.vaes.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	3
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	7
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	8
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	9
V.	CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH.	55
VI.	MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH.....	57
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH	58
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH	59
IX.	PHỤ LỤC	59

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Bước vào năm 2011, nền kinh tế nước ta vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức. Khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn trong các năm qua đã đẩy kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm thu hẹp đáng kể thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế-xã hội khác của nước ta.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam trong năm 2005 là 8,40%, năm 2006 là 8,17%, năm 2007 là 8,48%, năm 2008 là 6,23% và năm 2009 5,32%, năm 2010 tốc độ tăng trưởng của GDP Việt Nam 6,78%, đây được coi là tốc độ tăng trưởng tương đối cao trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế thế giới đang trong giai đoạn khủng hoảng toàn cầu. Năm 2011 là năm đầu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020. Tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội Việt Nam đặt ra mục tiêu tốc độ tăng trưởng GDP đối với năm 2011 bình quân là 7 - 8%/năm. Tuy nhiên tại Báo cáo Cập nhật Triển vọng Phát triển Châu Á 2011 công bố ngày 14/09/2011, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đã chính thức hạ dự báo mức tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2011 xuống 5,8% và sẽ tăng nhanh trở lại ở mức 6,5% trong năm 2012. Bên cạnh những dấu hiệu tích cực, kinh tế thế giới cũng như Việt Nam vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro với những bất ổn kinh tế ngày càng diễn biến phức tạp

Là một bộ phận của nền kinh tế, Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung cũng chịu tác động chung bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động giá dầu, lạm phát sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro luật pháp

Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung hoạt động theo mô hình công ty cổ phần nên hoạt động của SEAPRODEX DANANG chịu ảnh hưởng của Luật Doanh Nghiệp Việt Nam. Cùng với các hoạt động xuất nhập khẩu của công ty, tất yếu công ty sẽ bị quản lý trực tiếp của các văn bản luật trong hoạt động xuất nhập khẩu.

SEAPRODEX DANANG hiện nay là công ty đại chúng và đã giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom, do vậy công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các văn bản pháp luật này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi các luật này chắc chắn sẽ có ảnh hưởng đến công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản miền Trung hoạt động theo quy trình khép kín: sản xuất - chế biến - xuất khẩu nên doanh nghiệp có những rủi ro đặc thù như sau:

- *Rủi ro về nguyên liệu:* Nguồn nguyên liệu phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết, nguồn nước, chất lượng con giống ... Nhưng trong những năm gần đây, lũ lụt đã thường xuyên xảy ra trong khu vực, làm ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu đầu vào của doanh nghiệp.
- *Rủi ro về thị trường xuất khẩu:* Đối với Ngành thủy sản Việt Nam, thị trường vừa là yếu tố quyết định đến khả năng tăng trưởng vừa gắn liền với các yếu tố rủi ro ngành. Thị trường xuất khẩu chính của Công ty là EU, Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ ... Đây là những thị trường có nhiều biến động và khó tính. Những quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, các rào cản thương mại, phi thuế quan (kiện bán phá giá), ký quỹ ... là những nhân tố có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.
- *Rủi ro tỷ giá hối đoái:* Hoạt động của công ty liên quan nhiều đến xuất nhập khẩu, nên sự biến động của tỷ giá hối đoái trên thị trường, chính sách tiền tệ của nhà nước, sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty .

4. Rủi ro từ đợt chào bán và phương án xử lý khi không thu đủ số tiền như dự kiến từ đợt phát hành

Rủi ro từ đợt chào bán này được xem là rất thấp vì đối tượng được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm là cổ đông hiện hữu nên người được quyền mua cổ phiếu hiểu rất rõ định hướng phát triển, tình hình kinh doanh cũng như Ban lãnh đạo Công ty. Đây là yếu tố tích cực góp phần thành công của đợt chào bán. Bên cạnh đó các tín hiệu lạc quan về sự hồi phục của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng cũng tác động mạnh mẽ lên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tuy nhiên, trong trường hợp không thu đủ số tiền như dự kiến từ đợt phát hành, Công ty sẽ huy động từ các nguồn khác như vay ngân hàng, v.v...

5. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu có thể xảy ra khi Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với giá bán bằng mệnh giá (thấp hơn thị giá của cổ phiếu đang lưu hành). Đối với đợt phát hành tăng vốn điều lệ của SPD, có một số lưu ý đối với nhà đầu tư về rủi ro pha loãng giá cổ phiếu như sau:

Tổng số cổ phiếu chào bán: 2.520.000 cổ phần (Hai triệu năm trăm hai mươi nghìn cổ phần) cho cổ đông hiện hữu của Công ty với giá phát hành là 10.000 đồng/cp.

Giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh vào ngày giao dịch không hưởng quyền theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{(PR_{t-1} \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng CP phát hành thêm})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành} + \text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm}}$$

Trong đó:

- P_{tc} : là giá tham chiếu cổ phiếu cần xác định trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn điều lệ, đây là giá cần xác định.
- PR_{t-1} : là giá chứng khoán trên thị trường trước ngày giao dịch không hưởng quyền.
- PR : là giá phát hành.

Ví dụ :

Giả sử giá cổ phiếu SPD vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 15.000 đồng/cổ phiếu (PR_{t-1}). Tổng số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu là 2.520.000 cổ phần. Giá chào bán là 10.000 đồng/cp. Số lượng cổ phần hiện tại đang lưu hành là 7.560.000 cổ phần. Như vậy, ngày giao dịch không hưởng quyền giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh như sau :

$$P_{tc} = \frac{(15.000 \times 7.560.000) + (10.000 \times 2.520.000)}{7.560.000 + 2.520.100} = 13.750 \text{ đồng/cổ phần}$$

Ngoài ra, việc thay đổi vốn chủ sở hữu của SPD cũng làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng lợi nhuận, từ đó ảnh hưởng đến chỉ số EPS hiện tại của SPD, cụ thể như sau :

Số lượng cổ phần của Công ty thời điểm hiện tại là 7.560.000 cổ phần, số lượng cổ phần của Công ty sau phát hành là 10.080.000 cổ phần, số lượng phát hành thêm là 2.520.000 cổ phần. Do số lượng cổ phần của Công ty tăng, nên ngay sau khi phát hành thu nhập trên một cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng. Giả sử đến ngày 30/11/2011, đợt phát hành sẽ kết thúc, Công ty sẽ thu được toàn bộ số tiền từ đợt phát hành trên.

STT	Nội dung	2011 (dự kiến)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2011 (đồng)	10.500.000.000
2	Số lượng cổ phần đầu năm 2011 (cổ phần) – Cổ phiếu quỹ	7.560.000
3	Số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu	2.520.000
4	Số lượng cổ phần sau khi phát hành (cổ phần) $\{=(2)+(3)\}$	10.080.000
5	Số lượng cổ phần bình quân gia quyền sau khi phát hành tại thời điểm tháng 10/2011 (cổ phần) $\{=(2) \times 11 + (4) \times 1\} / 12\}$	7.770.000
6	Thu nhập/cổ phần trước khi phát hành cho cổ đông hiện hữu (đồng/cp) $\{=(1)/(2)\}$	1.389
7	Thu nhập/cổ phần điều chỉnh (đồng/cổ phần) $\{=(1)/(4)\}$	1.351

Tuy nhiên, những rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được và duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh sau đợt chào bán.

6. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đặc biệt là các rủi ro về hỏa hoạn. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy,... đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho hàng hoá và tài sản của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Ông : Lê Hồng Sơn Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bà : Trần Như Thiên My Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông : Nguyễn Anh Tuấn Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CN HỒ CHÍ MINH

Ông Nguyễn Văn Trung Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin đăng ký chào bán cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Khái niệm/Từ viết tắt	Giải nghĩa
Công ty/ SEAPRODEX DANANG/SPD	Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung.
FPTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban kiểm soát
CP	Cổ phần
LNST	Lợi nhuận sau thuế
XNK	Xuất nhập khẩu
KCN	Khu công nghiệp

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**1. Giới thiệu về công ty**

Tên công ty : CTCP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG
 Tên tiếng Anh : DANANG SEAPRODUCTS IMPORT - EXPORT CORPORATION
 Tên viết tắt : SEAPRODEX DANANG

Logo :

**SEAPRODEX DANANG**

Vốn điều lệ : 75.600.000.000 VND (Bảy mươi lăm tỷ sáu trăm triệu đồng)
 Trụ sở chính : 261 - 263 Phan Châu Trinh - Q.Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
 Điện thoại : 0511.3 821 436 - 3 824 160
 Fax : 0511.3 823 769 - 3 824 778
 Email : info@seadanang.com.vn
 Website : www.seadanang.com.vn

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0400100778 cấp lần đầu ngày 14/12/2006 và Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 17/06/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng, ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: Chế biến thủy, hải sản xuất khẩu .	1020 (Chính)
2	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
4	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
5	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
6	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
7	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
8	Bán buôn đồ uống	4633
9	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
10	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.	4572
11	Bán mô tô, xe máy	4541

12	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	4649
13	Bán buôn thực phẩm.	4632
14	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
15	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
16	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
17	Bán buôn tổng hợp	4690
18	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
19	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.	5210
20	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
21	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
22	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
23	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
24	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
25	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
26	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô	4933
27	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
28	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
29	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
30	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
31	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
32	Bốc xếp hàng hoá Chi tiết: Bốc xếp hàng hoá đường bộ	5224
33	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
34	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
35	Đầu tư tài chính	<i>Ngành nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Việc thành lập	<p>Vào đầu những năm 1980, trong bối cảnh Nhà Nước thử nghiệm cơ chế mới “tự cân đối - tự trang trải”, cùng với nhu cầu khách quan về phát triển kinh tế thủy sản khu vực Miền Trung, ngày 26 tháng 2 năm 1983, Chi nhánh Xuất Khẩu Thủy Sản Đà Nẵng, tiền thân của Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung được thành lập, thay thế cho Trạm tiếp nhận Thủy sản Đà Nẵng, xây dựng mô hình làm ăn mới.</p> <p>Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung được thành lập theo quyết định số 242/TS-QĐ ngày 31/3/1993 của Bộ Thủy Sản, là doanh nghiệp nhà nước, hạch toán độc lập, thành lập và tổ chức hoạt động kinh doanh về thủy sản, phục vụ sản xuất kinh doanh thủy sản và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật. Công ty có quyền tự chủ kinh doanh, tự chủ về tài chính.</p>
Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần	<p>Thực hiện chủ trương của Nhà Nước về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, Seaprodex Danang không thuộc diện giữ lại là doanh nghiệp Nhà Nước nên Bộ Thủy Sản đã có quyết định số 1226/QĐ-BTS ngày 21/10/2005 về việc cổ phần hoá và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa.</p> <p>Ngày 09/12/2006, Công ty đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thành lập Công ty cổ phần XNK Thủy sản Miền Trung, và ngày 14/12/2006, Công ty cổ phần XNK Thủy sản Miền Trung chính thức hoạt động với vốn điều lệ 55.000.000.000 đồng.</p>
Tăng vốn điều lệ	<p>Căn cứ Giấy chứng nhận số 335/UBCK-GCN ngày 22/09/2008 về việc chấp nhận cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung phát hành và chào bán cổ phiếu ra công chúng, Công ty đã phát hành tăng vốn điều lệ từ 55.000.000.000 đồng lên 75.600.000.000 đồng (Bảy mươi lăm tỷ sáu trăm triệu đồng)</p>

3. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty

Công ty được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần qui định theo Luật doanh nghiệp 2005, tuân thủ các qui định pháp luật khác và Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty được trình bày theo sơ đồ dưới đây.

Sơ đồ: Cơ cấu tổ chức và quản lý của SEAPRODEX DANANG



Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội cổ đông, HĐQT, Ban điều hành, các phòng ban và các xí nghiệp được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động và các qui chế, nội qui khác của Công ty cụ thể như sau:

- **Đại hội đồng Cổ đông**

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có các quyền sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS; phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

- **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra.

Hội đồng Quản trị có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban tổng giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

- **Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, gồm 3 thành viên. Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ của Ban:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

- **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các phó Tổng giám đốc, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Nhiệm vụ của Ban Tổng giám đốc:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc đơn vị thành viên, Trưởng, Phó Phòng, Ban, Đơn vị trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.
- **Kế toán trưởng Công ty:**
 - Kế toán trưởng là người giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty, do Tổng Giám đốc Công ty đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, và trực tiếp giữ chức vụ Trưởng Ban Tài chính - Kế hoạch - Đầu tư công ty.
 - Thực hiện các qui định của pháp luật về kế toán, tài chính. Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo qui định của Luật kế toán.

- **Ban Nhân sự - Hành chính - Pháp chế :**

Là bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung có chức năng tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý - điều hành, quản lý nhân sự - lao động - tiền lương, công tác nội chính, công tác hành chính - quản trị, văn hóa - xã hội, thi đua - khen thưởng và thực hiện các chính sách, chế độ cho người lao động trong đơn vị theo quy định của Nhà nước nhằm phục vụ các hoạt động quản lý, điều hành của Ban lãnh đạo và đảm bảo mọi hoạt động bình thường của Công ty.

- **Ban Tài chính - Kế hoạch - Đầu tư:**

Là bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung có chức năng tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc nghiên cứu và xây dựng định hướng, chiến lược về sản xuất kinh doanh, về tài chính, về tổ chức bộ máy kế toán, hạch toán và các chương trình hoạt động, chương trình đầu tư theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, về cơ chế, chính sách có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời hướng dẫn các Chi nhánh - đơn vị phụ thuộc Công ty thực hiện công tác kế toán - hạch toán theo quy định của pháp luật và theo sự phân cấp của Tổng Giám đốc Công ty.

- **Ban Xuất Nhập khẩu:**

Là bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung có chức năng :

-Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc nghiên cứu và xây dựng định hướng, chiến lược về hoạt động kinh doanh nhập khẩu vật tư, thiết bị, hàng hóa, về công tác thị trường, giá cả, phương thức thanh toán, về cơ chế, chính sách có liên

quan đến hoạt động kinh doanh XNK của Công ty, đồng thời tổ chức kinh doanh nhập khẩu, mua bán hàng hóa theo sự phân cấp của Tổng Giám đốc Công ty.

-Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc nghiên cứu và xây dựng định hướng, chiến lược và hoạt động kinh doanh xuất khẩu thủy sản, về công tác thị trường, giá cả, phương thức thanh toán, về cơ chế, chính sách có liên quan đến hoạt động kinh doanh XNK của Công ty, đồng thời tổ chức kinh doanh thủy sản xuất khẩu theo sự phân cấp của Tổng Giám đốc Công ty.

- **Phòng Kinh doanh Kho vận & Dịch vụ :**

Là bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung có chức năng tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc nghiên cứu và xây dựng định hướng hoạt động kinh doanh kho vận và dịch vụ theo ngành nghề kinh doanh của Công ty, đồng thời tổ chức kinh doanh cho thuê kho lạnh, dịch vụ vận chuyển hàng hóa, dịch vụ cấp đông theo sự phân cấp của Tổng Giám đốc Công ty.

4. Danh sách và cơ cấu cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ

Tính đến thời điểm 22/08/2011, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty như sau:

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số lượng (CP)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ/ Vốn cổ phần (%)
Tổng công ty Thủy sản Việt Nam	2-4-6 Đồng Khởi, Thành phố Hồ Chí Minh	0310745210	4.100.654	41.006,54	54,24
Tổng cộng			4.100.654	41.006,54	54,24

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản miền Trung cho đến thời điểm 22/08/2011

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng (CP)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ/Vốn cổ phần (%)
1. Ông Lê Hồng Sơn (Đại diện phần vốn góp Nhà nước)	76 Hải Phòng, Q.Hải Châu, Đà Nẵng	1.832.654	18.326,54	24,24
2. Ông Thái Bá Nam (Đại diện phần vốn góp Nhà nước)	Lô 29B2 đường 2/9, Q.Hải Châu, Đà Nẵng	1.134.000	11.340	15
3. Ông Nguyễn Đình Trí (Đại diện phần vốn góp Nhà nước)	93 Lê Đình Dương, Thành phố Đà Nẵng	1.134.000	11.340	15
Tổng cộng		4.100.654	41.006,54	54,24

(Nguồn : Theo Giấy CNĐKKD số 0400100778 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17/06/2011 do Sở Kế hoạch đầu tư Tp. Đà Nẵng cấp).

Hiện nay theo quy định của pháp luật cổ phần của các cổ đông sáng lập đã hết thời gian quy định hạn chế chuyển nhượng và trở thành cổ phiếu phổ thông (ngoại trừ cổ phiếu được nắm giữ bởi các cổ đông mua cổ phiếu dưới dạng cổ phiếu ưu đãi theo quy định trong điều lệ của công ty).

4.3 Cơ cấu cổ đông tại ngày 22/08/2011

Stt	Loại cổ đông	Số lượng	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	351	75.395.000.000	99,73
1	Cổ đông nhà nước	01	41.006.540.000	54,24
2	Cổ đông tổ chức	05	4.293.950.000	5,68
3	Cổ đông cá nhân	345	30.094.510.000	39,81
II	Cổ đông nước ngoài	01	205.000.000	0,27
1	Cổ đông tổ chức	-	-	-
2	Cổ đông cá nhân	01	205.000.000	0,27
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng		352	75.600.000.000	100

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản miền Trung cho đến thời điểm 22/08/2011

5. Danh sách những Công ty mẹ và công ty con của tổ chức chào bán

♦ Danh sách những công ty mà tổ chức chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có

♦ Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:

Công ty Mẹ: Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam- Công ty TNHH Một Thành Viên

Địa chỉ : 2-4-6 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại : (08) 38 225 875

Fax : (08) 38 290 146

Website : www.seaprodexvn.com

Ngành nghề : Đầu tư tài chính; khai thác, nuôi trồng, chế biến và dịch vụ ngành thủy sản; ngành nghề kinh doanh có liên quan và một số nhiệm vụ công ích góp phần giữ gìn an ninh, trật tự vùng biển đảo Tổ quốc

Vốn điều lệ : 839.030.527.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ : 4.100.654 cổ phần, chiếm 54,24% vốn điều lệ

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Các nhóm sản phẩm chính của Công ty gồm:

SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH		
<p>Sản phẩm chế biến và xuất khẩu</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tôm • Mực • Cá 			
			
			
<p>Sản xuất thức ăn nuôi thủy sản</p>			
<p>Vật tư nhập khẩu</p>			

a) Doanh thu sản phẩm, dịch vụ qua các năm*Đvt : triệu đồng*

Stt	Sản phẩm	Năm 2009		Năm 2010		9 tháng/2011	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu hải sản đông lạnh	300.156	21,82	436.186	31,58	388.462	38,37
2	DT thuần gia công hàng xuất khẩu	400	0,03	-	-	-	-
3	Doanh thu thuần xuất khẩu vật tư	1.037.756	75,46	29.031	2,10	9.998	0,99
4	Doanh thu thuần bán hàng hóa	35.222	2,56	878.502	63,61	604.495	59,71
5	Doanh thu thuần khác	1.766	0,13	37.341	2,70	9.496	0,94
Cộng		1.375.301	100	1.381.061	100	1.012.452	100

*Nguồn : BCTC kiểm toán 2009, 2010 và BCTC 9 tháng 2011***b) Lãi gộp của các sản phẩm, dịch vụ qua các năm***Đvt : triệu đồng*

Stt	Sản phẩm	Năm 2009		Năm 2010		9 tháng/2011	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Lợi nhuận hải sản đông lạnh	20.351	17,85	41.953	35,88	22.613	29,42
2	Lợi nhuận gia công xuất khẩu	400	0,35	-	-	-	-
3	Lợi nhuận xuất khẩu vật tư	83.514	73,24	11.344	9,70	130	0,17
4	Lợi nhuận bán hàng hóa	7.998	7,01	64.481	55,15	44.628	58,06
5	Lợi nhuận khác	1.766	1,55	864	(0,74)	9.496	12,35
Cộng		114.029	100	116.913	100	76.867	100

Nguồn : SPD

6.2 Nguyên vật liệu

a. Nguồn nguyên vật liệu

Là một trong những công ty đi đầu về lĩnh vực chế biến và xuất khẩu thủy sản ở Miền Trung, với đa dạng về chủng loại sản phẩm như tôm, cá, mực. Công ty có được mạng lưới thu mua rộng khắp từ Kiên Giang cho đến Hà Tĩnh, từ nguyên liệu nuôi trồng như tôm thẻ, tôm sú, v.v... cho đến nguyên liệu đánh bắt như mực, cá, bạch tuộc, v.v...

- Nguyên liệu nuôi trồng:

Với đặc thù về khí hậu và địa hình của vùng duyên hải miền Trung nên ở đây chủ yếu tập trung nuôi nhiều tôm thẻ chân trắng và cũng là nguồn nguyên liệu chính trong hoạt động chế biến thủy sản của Công ty (chiếm 80% tổng các loại sản phẩm). Bên cạnh đó Công ty có địa thế thuận lợi khi nằm ở giữa các vùng nguyên liệu lớn (Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Huế, Quảng Trị, v.v...) nên có nguồn nguyên liệu tươi ngon, dồi dào và đáp ứng kịp thời cho nhu cầu sản xuất.

Công ty thu mua nguyên liệu qua 2 hình thức: mua qua các đại lý và mua trực tiếp qua các chủ nông trại. Để đảm bảo được chất lượng sản phẩm cũng như có được nguồn nguyên liệu sạch, công ty cũng có sự giám sát và kết hợp với các chủ nông trại từ khâu chuẩn bị nuôi đến khi thu hoạch, ưu tiên thu mua nguyên liệu có nguồn gốc rõ ràng các cơ sở có giấy chứng nhận vùng nuôi an toàn cũng như tăng cường công tác kiểm tra giám sát vùng nguyên liệu.

Do tập trung cao cho công tác tạo nguồn nguyên liệu bằng nhiều biện pháp nên nguồn nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu tại Công ty luôn ổn định, sản lượng sản xuất năm sau luôn cao hơn năm trước.

- Nguyên liệu đánh bắt:

Đối với các mặt hàng cá, mực, bạch tuộc, Công ty thu mua nguyên liệu thông qua các đại lý. Ngoài giấy chứng nhận của chính quyền địa phương về nguồn gốc và an toàn trong đánh bắt, các đại lý còn phải đảm bảo được chất lượng của nguyên liệu tươi, không mùi bất thường, v.v...

- Nguyên vật liệu phụ:

Ngoài nguyên liệu thủy sản, các loại nguyên vật liệu khác cần thiết cho quá trình sản xuất như bao bì carton, PE, PA, khay, hoá chất v.v... Công ty đặt hàng theo danh mục tồn kho tối thiểu, tức là đặt hàng khi có nhu cầu đối với vật tư phục vụ sản xuất cho từng hợp đồng. Do đó, đảm bảo các vật tư tồn kho luôn ở mức tối thiểu nhưng vẫn đảm bảo được tiến độ sản xuất.

Một số nhà cung cấp nguyên phụ liệu cho Công ty:

- ✚ Công ty cung ứng bao bì: Công ty Đông Á, Liksin, Gia Nguyễn, Bao bì Nilon ABC, Công ty bao bì Đà Nẵng, v.v...
- ✚ Công ty cung ứng hoá chất, phụ gia: Phở Bình, Ân Linh, Song Toàn, Kiến Vương, Thuận Phát, Duy Thanh, Phúc Linh, v.v...

b. Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Với 80% sản lượng chế biến của Công ty là tôm thẻ chân trắng từ nguồn nuôi trồng nên đảm bảo được tính ổn định về nguyên liệu trong sản xuất. Đối với nguyên liệu đánh bắt như cá và mực còn phụ thuộc nhiều vào thời tiết, mùa vụ và ngày càng cạn kiệt và thiếu ổn định hơn.

Tuy nhiên trong những năm gần đây Công ty đã đẩy mạnh công tác dự trữ nguyên liệu khi vào mùa để đáp ứng được nhu cầu nguyên liệu cho các tháng tiếp theo, chính vì vậy nguồn nguyên liệu luôn được đảm bảo trong quá trình sản xuất.

c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Trong những năm gần đây, do kim ngạch xuất khẩu xuất khẩu và cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng tăng, nên giá tôm thẻ nguyên liệu thường xuyên biến động và có xu hướng tăng lên (giá nguyên liệu 6 tháng đầu năm 2011 đã tăng 40% so với cuối năm 2010).

Giá nguyên vật liệu chiếm khoảng 80% giá thành sản phẩm của Công ty nên bất cứ sự biến động của giá cả nguyên vật liệu đều ảnh hưởng đến kết quả SXKD. Giá tôm nguyên liệu biến động trong thời gian qua, ngoài nguyên nhân mất mùa do dịch bệnh, chủ yếu là do việc áp dụng các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe về an toàn vệ sinh thực phẩm của các nước nhập khẩu, điều này làm người nuôi tôm cần phải thay đổi nguồn thức ăn cho tôm, đồng thời kiểm soát chất lượng tôm thường xuyên để đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Do đó chi phí đầu tư nuôi tôm tăng lên, dẫn đến giá nguyên liệu tăng. Mặt khác, với việc nở rộ các công ty chế biến thủy sản trong thời gian gần đây đã làm cho nhu cầu nguyên liệu tăng lên, dẫn đến cạnh tranh gay gắt trong thu mua nguyên liệu giữa các doanh nghiệp cùng ngành.

Vì vậy, để giảm thiểu ảnh hưởng của giá nguyên liệu đến hoạt động kinh doanh, Công ty đã thực hiện chủ động nguồn nguyên liệu bằng cách phối hợp với các vùng nuôi trồng, bên cạnh đó Công ty còn xây dựng hệ thống kho dự trữ nguyên liệu cho những tháng trái vụ. Ngoài ra, Công ty cũng đang chuyển hướng sang làm hàng giá trị gia tăng để giảm bớt áp lực về nguyên liệu.

Danh sách một số nhà cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty:

STT	Nhà cung cấp	Nguyên liệu	Tỉnh
1	CT TNHH Phong Tín - Hội An, Quảng Nam	Tôm nguyên liệu	Quảng Nam
2	CT TNHH Bắc Đầu - Khu Công nghiệp dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng	Cá, mực, bạch tuộc	Đà Nẵng
3	CT TNHH Hải Dung - Nghĩa Chánh – TP. Quảng Ngãi	Tôm nguyên liệu	Quảng Ngãi
4	CTCP Trường Phú - Võ Dạ - TP. Huế	Tôm nguyên liệu	Huế
5	Võ Thị Cường - Tam Kỳ - Quảng Nam	Tôm nguyên liệu	Quảng Nam

Nguồn: CTCP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung

6.3 Chi phí sản xuất

Yếu tố chi phí sản xuất luôn được Công ty quan tâm và xem xét cẩn thận để có thể tiết giảm được chi phí ở mức tối đa, tăng lợi nhuận cho Công ty. Quá trình kiểm soát chi phí được tiến hành ngay từ khâu thu mua nguyên vật liệu đến khâu bán hàng.

Công ty đã áp dụng các chính sách “Sản xuất hiệu quả” nhằm nâng cao năng suất và tiết kiệm các khoản chi phí sản xuất như điện, nước.. từ đó cắt giảm một khoản đáng kể chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả trong kinh doanh.

Cũng nhờ thực hiện tốt các chính sách trên mà các sản phẩm của công ty đảm bảo được chất lượng và giá thành cạnh tranh tạo nên lợi thế kinh doanh cho công ty so với các công ty cùng ngành. Bên cạnh đó, Công ty thường phân tích và nhận định biến động giá có thể xảy ra đối với các loại nguyên vật liệu chính, để có thể chủ động mua vào ở thời điểm giá thấp, phục vụ cho sản xuất nên giảm được giá thành đáng kể.

Các yếu tố chính trong cơ cấu chi phí của Công ty được thể hiện ở bảng sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Yếu tố chi phí	Năm 2009		Năm 2010		9 tháng /2011	
		Giá trị	%/ DTT	Giá trị	%/ DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn hàng bán	1.261.272	91,71	1.264.148	91,53	935.584	92,41
2	Chi phí bán hàng	32.724	2,38	36.943	2,67	19.925	1,97
3	Chi phí QLDN	48.187	3,50	39.246	2,84	33.447	3,30
4	Chi phí tài chính	55.386	4,03	49.038	3,55	39.418	3,89
Tổng cộng		1.397.569		1.389.375		1.028.374	

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC Quý III/2011

6.4 *Trình độ công nghệ*

Trong các năm qua, Công ty đã không ngừng nâng cao trình độ công nghệ, đổi mới quản lý nên hiện nay đã đạt trình độ công nghệ tiên tiến so với các nhà máy trong khu vực. Nhà máy được trang bị các hệ thống băng chuyền IQF siêu tốc, hệ thống hấp luộc, các hệ thống tủ đông và kho lạnh với tổng công suất lên đến 6000tấn/năm.

Năm 2009, Seaprodex Danang đã đầu tư thêm phân xưởng chế biến số 3 dành cho chế biến các sản phẩm thủy sản tinh chế và kho bảo quản lạnh 800 tấn. Trong năm 2011, công ty còn đầu tư nâng cấp phân xưởng 2, mở rộng diện tích, tăng công suất để phục vụ cho chế biến sản phẩm mực và cá.

Bên cạnh các thiết bị cũ thường xuyên được nâng cấp, đổi mới kỹ thuật, hầu hết các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất được trang bị từ năm 2005 đến nay, là những thiết bị thuộc công nghệ mới có ưu điểm là dễ vận hành, dễ làm vệ sinh, thời gian cấp đông ngắn, điện năng tiêu thụ giảm, đáp ứng yêu cầu đa dạng hoá sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, nâng cao sản lượng chế biến và chất lượng sản phẩm.

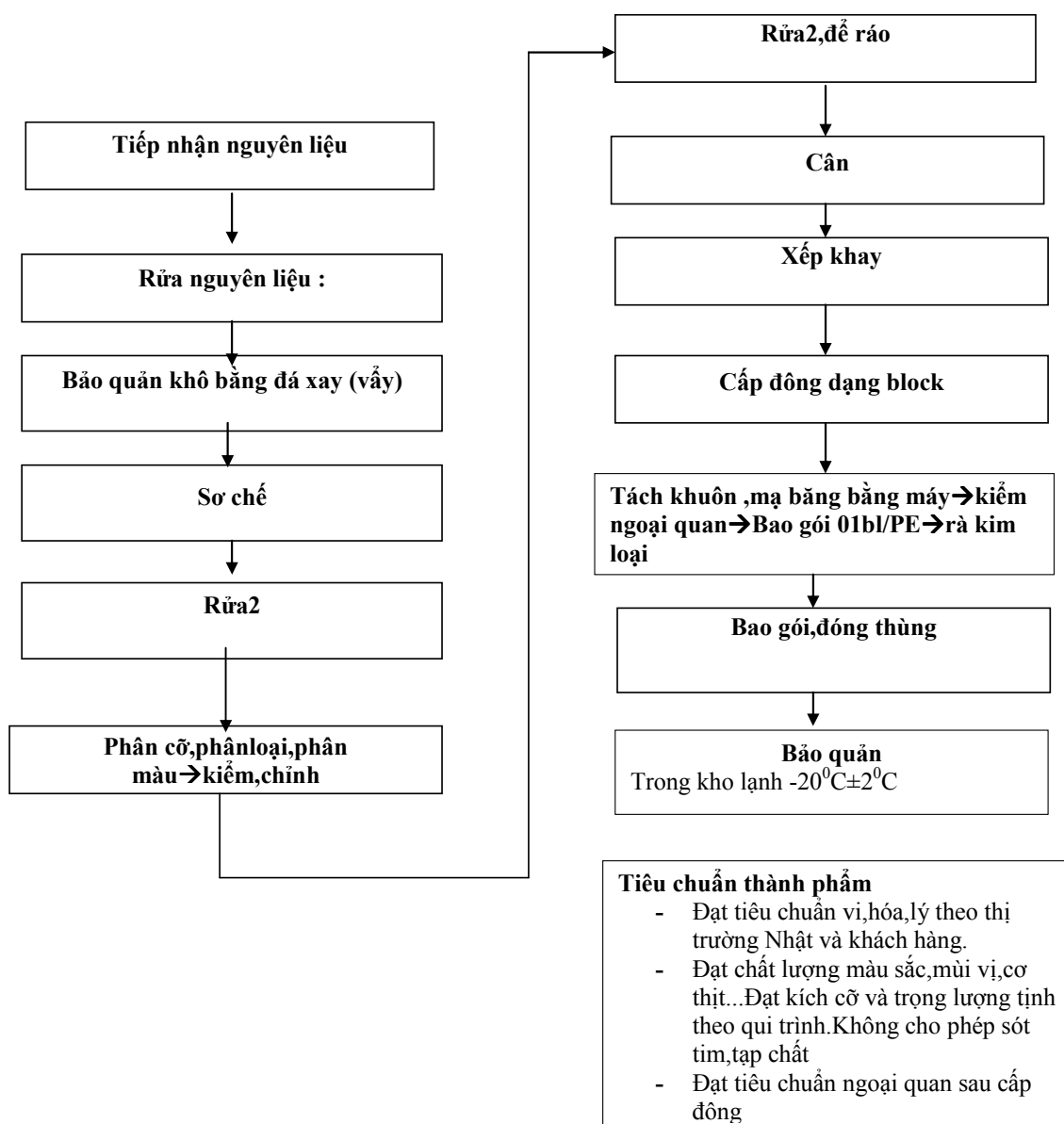
Máy móc thiết bị tại Công ty có thể được chia thành 02 nhóm chính:

- Nhóm các máy móc thiết bị chính phục vụ sản xuất chế biến thủy sản: tủ đông tiếp xúc, băng chuyền thẳng, băng chuyền hấp, máy đá vảy...
- Nhóm các máy móc thiết bị hỗ trợ sản xuất chế biến thủy sản: máy hút chân không, hệ thống điều hoà, máy đánh dây, máy rà kim loại...

Một số máy móc thiết bị chính của công ty:

Loại thiết bị	Số thiết bị	Công suất mỗi TB
Tủ đông tiếp xúc	4	720Kg/ Mẻ
Tủ đông gió	4	500kgs/1h
Máy phân cỡ	1	1.2MTS/h
Hệ thống IQF xoắn	1	500kg/h
Hệ thống IQF siêu tốc	2	500kg/h /tủ
Băng chuyền hấp luộc	1	500kg/h
Tái đông	1	350kg/h
Kho lạnh	3	1.040 MTS/24h
Kho chò đông	3	35 T
Máy đá vảy	7	95T/24h
Máy hút chân không	10	60m ³ /h
Máy dò kim loại	6	500kg/h
Máy X-Ray	1	
Máy quay tôm, mực	12	250kg/mẻ
Bơm cao áp	10	400lít/h
Cối đá vảy	4	15 tấn/24 giờ
Máy tách khuôn	3	4 m ³ /h
Máy mạ băng	4	4 m ³ /h
Máy đánh vảy cá	1	

QUI TRÌNH CHẾ BIẾN



6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm

Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới luôn được Công ty quan tâm thực hiện. Hàng năm, công ty đều tham gia các đợt hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước, thông qua đó có thể tìm hiểu, nghiên cứu tạo ra sản phẩm mới. Công ty đã cho ra đời nhiều mặt hàng GTGT phù hợp với yêu cầu thị trường và thị hiếu người tiêu dùng, áp dụng các công nghệ mới để làm ra những sản phẩm có giá trị cao hơn, đa dạng hơn.

Tại các đơn vị phụ thuộc Công ty đều có các bộ phận nghiên cứu phát triển sản phẩm gồm các thành viên từ Phòng Kế hoạch sản xuất, Ban quản đốc phân xưởng, Phòng Quản lý chất lượng/ Phòng công nghệ. Trong các năm qua đã nghiên cứu sản xuất một số sản phẩm xuất khẩu mới từ cá, tôm, thức ăn nuôi thủy sản. Hiện nay đang

nghiên cứu và sản xuất các mặt hàng thủy sản giá trị gia tăng, các sản phẩm thức ăn nuôi thủy sản.

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

- **Hệ thống quản lý chất lượng:**

Trong lĩnh vực chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu việc kiểm tra chất lượng sản phẩm là vấn đề rất quan trọng. Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm của mình, xem vấn đề “An toàn vệ sinh thực phẩm” là tiêu chuẩn hàng đầu, “Chất lượng sản phẩm” là yếu tố quan trọng để thành công. Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn Quốc tế:

- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001-2000.
- Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu - BRC (tiêu chuẩn của Hiệp hội bán lẻ Anh Quốc).
- Phân tích môi nguy và kiểm soát điểm tới hạn – HACCP
- Tiêu chuẩn hoạt động sản xuất tốt – GMP
- Quy trình vệ sinh chuẩn- SSOP

Các hệ thống quản lý chất lượng trên được hầu hết các nước trên thế giới chấp nhận và xem nó như là phương pháp xác định chất lượng sản phẩm của nhà sản xuất.

Qua các đợt kiểm tra định kỳ của NAFIQAD, phân xưởng sản xuất của Công ty đều đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, tiếp tục duy trì EU code (DL10, DL190, DL506). Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng và thực hiện tốt hệ thống kiểm soát nội bộ đối với toàn bộ các quá trình nghiệp vụ tại Công ty, tăng cường các hoạt động quản lý về tài chính kế toán, nhân sự, thành phẩm vật tư, bán hàng.

- **Bộ phận quản lý chất lượng của Công ty:**

Đối với ngành chế biến thủy sản thì vấn đề chất lượng sản phẩm và an toàn thực phẩm và vấn đề sống còn của doanh nghiệp. Quản lý chất lượng tại Công ty được áp dụng khép kín tất cả các khâu trong quy trình sản xuất, từ khâu kiểm tra chất lượng nguyên liệu đến các công đoạn chế biến sản phẩm, đóng gói, bảo quản sản phẩm và vận chuyển đến container. Trong thời gian qua, Công ty đã trang bị phòng kiểm nghiệm, kiểm tra các chỉ tiêu vi sinh và trang bị các thiết để kiểm tra các chỉ tiêu kháng sinh chloramphenicol, nutrofurran,... Công ty hiện có 35 cán bộ nhân viên có chứng chỉ quản lý chất lượng do các tổ chức trong và ngoài nước cấp, đồng thời Công ty cũng thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật (QC) đi dự các lớp đào tạo về chương trình quản lý chất lượng do NAFIQAD và các chuyên gia tư vấn đến làm việc tại Công ty để góp ý cho các chương trình quản lý chất lượng của Công ty được hoàn thiện hơn.

6.7 Hoạt động Marketing

- **Chính sách giá cả**

Công ty thực hiện chính sách thanh toán linh động cho từng đối tượng khách hàng để giảm chi phí và tăng sức cạnh tranh, có mức chiết khấu hợp lý cho trung gian và các nhà nhập khẩu theo hình thức ký gửi. Bên cạnh đó Công ty thực hiện

chính sách giá cả cạnh tranh để tăng số lượng sản phẩm tiêu thụ. Chiến lược của công ty là cung cấp các sản phẩm có chất lượng với giá cạnh tranh.

• **Hoạt động xây dựng thương hiệu và quảng cáo:**

Hoạt động marketing hiện nay của Công ty do Tổng Giám đốc và Ban Tài chính - Kế hoạch - Đầu tư đảm nhiệm, tại các đơn vị phụ thuộc do Giám đốc và Phòng kinh doanh đảm nhiệm.

➤ *Phương thức marketing:*

- Đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng tiềm năng và mở rộng thị trường Công ty kết hợp với Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) tham gia các hội chợ thủy sản trong nước và quốc tế hàng năm (Vietfish – Việt Nam, Boston – Mỹ, Brussel – Bỉ, Nhật, v.v...)
- Quảng cáo thương hiệu và sản phẩm trên website www.seadanang.com.vn ;
- Quảng cáo trên một số tạp chí và website thương mại thủy sản quốc tế;
- Thực hiện các hình ảnh, CD, catalogue quảng cáo;
- Tận dụng mọi điều kiện, phương tiện để giới thiệu thế mạnh, khả năng, mặt hàng của Công ty, chuyên nghiệp hoá các khâu báo giá chào hàng;
- Thiết lập quan hệ trực tiếp với các khách hàng đã từng mua hàng của Công ty thông qua các Công ty môi giới thương mại; xây dựng quan hệ tốt với đội ngũ thu mua, tìm kiếm nguồn hàng của các đơn vị bạn.
- Bên cạnh đầu tư nâng cấp nhà xưởng, thiết bị, đào tạo bồi dưỡng nhân lực, xây dựng hệ thống quản lý, trong kinh doanh Công ty luôn chú trọng cạnh tranh thông qua nâng cao chất lượng dịch vụ và sự thỏa mãn khách hàng, đáp ứng nhanh các yêu cầu khách hàng, chú trọng xây dựng marketing quan hệ nhằm thiết lập mối quan hệ lâu dài với khách hàng, khuyến khích khách hàng tiếp tục duy trì mối quan hệ kinh doanh với Công ty, tăng cường sự trung thành của người mua thông qua làm việc gần gũi với khách hàng. Đây là yếu tố giúp Công ty đưa thêm được giá trị đi kèm sản phẩm và dễ dàng thuyết phục khách hàng chấp nhận giá chào bán cao hơn trong thời gian qua.

6.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu thương mại đã đăng ký bản quyền :

- Logo Công ty



- Logo Thọ Quang

**6.9 Các Hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết**

- Hợp đồng nhập khẩu

STT	Số Hợp đồng	Đối tác	Ngày ký Hợp đồng	Nội dung Hợp đồng	Trị giá HĐ (USD)
1	LD0708F/11	Đà Nẵng	08-07-11	Mua hạt nhựa	78.030
2	UCF9/1A0449T	Hà Nội	29-06-11	Mua hạt nhựa	534.352
3	UCF9/1A0401C	Sài Gòn	27-06-11	Mua hạt nhựa	252.945
4	SEADN/CUI-048/11	Tân Vinh Thái	05-07-11	Mua hạt nhựa	149.490
5	24/COOLIBREE/11	Hà Nội	23-06-11	Mua giấy	145.500
6	26/COOLIBREE/11	Hà Nội	28-07-11	Mua giấy	285.000

Nguồn : CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung – Thời điểm tháng 08/2011

- **Hợp đồng xuất khẩu**

STT	Số Hợp đồng	Đối tác	Ngày ký Hợp đồng	Nội dung Hợp đồng	Trị giá HĐ (USD)
1	17/MH-TQ/11	Japan	31-07-11	Tôm thẻ	1.065.647,92
2	11FA0312	Japan	17-06-2011	Tôm thẻ	726.084
3	11FA0479 (1)	Japan	21-06-2011	Tôm thẻ	710.910
4	11FA0479 (2)	Japan	21-06-2011	Tôm thẻ	848.286
5	18/MH-TQ/2011	Japan	04-08-2011	Tôm thẻ	634.068
6	ANNEX 3	Japan	10-08-2011	Cá hổ	375.680
7	KSZ-1434	Japan	23-06-2011	Tôm thẻ	169.862,40
8	TM585000	EU	15-07-2011	Tôm thẻ	441.000

Nguồn : CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung – Thời điểm tháng 08/2011

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Tăng/giảm 2010/2009 (%)	9 tháng/2011
Tổng giá trị tài sản	547.092	533.556	(2,47)	467.595
Doanh thu thuần	1.375.301	1.381.061	0,42	1.012.452
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.461	25.942	147,99	11.821
Lợi nhuận khác	1.323	215	(83,75)	277
Lợi nhuận trước thuế	11.784	26.157	121,97	12.099
Lợi nhuận sau thuế	10.497	22.874	117,91	9.496
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	15%	50%	-

(Nguồn: BCKT 2009, 2010 và BCTC Quý III/2011)

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty trong năm báo cáo

- **Thuận lợi**

- Công ty có trụ sở chính nằm ở vùng có lợi thế về thủy sản đánh bắt.

- Điều kiện sản xuất đảm bảo, vì thế công ty đạt được những điều kiện để xuất khẩu thủy sản vào thị trường Châu Âu (EU).
 - Lực lượng công nhân có trình độ tay nghề cao.
 - Có khả năng tài chính tương đối mạnh, có sự kết hợp giữa sản xuất thức ăn nuôi thủy sản, sản xuất chế biến thủy sản xuất khẩu và hoạt động kinh doanh nhập khẩu là một ưu thế cạnh tranh lớn chỉ có ở một số rất ít doanh nghiệp.
 - Có uy tín và kinh nghiệm trong ngành thủy sản, có khách hàng và thị phần ổn định tại các thị trường chính EU, Nhật, Mỹ và các thị trường khác.
 - Cơ chế quản lý năng động giúp Công ty sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của doanh nghiệp.
 - Đầu tư máy móc thiết bị tương đối đầy đủ, hiện đại, đáp ứng kịp thời yêu cầu nâng sản lượng và chất lượng sản phẩm.
- **Khó khăn**
- Do tính chất của ngành nên nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất phụ thuộc nhiều vào thời vụ, dễ bị biến động khi thời tiết khí hậu thay đổi.
 - Các nước nhập khẩu đặt ra các yêu cầu ngày càng nghiêm ngặt hơn về vệ sinh an toàn thực phẩm.
 - Việc sử dụng kháng sinh hoá chất bị cấm trong nghề nuôi trồng thủy, hải sản còn diễn biến phức tạp.
 - Một số vật tư phụ tăng giá kéo theo chi phí sản xuất đầu vào tăng.
 - Tình hình cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt. Tính cạnh tranh trong thu mua, chế biến thủy sản rất gay gắt tạo xu hướng giảm tỷ suất lợi nhuận.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

a. Vị thế của Công ty trong ngành

Với kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2010 đạt gần 60 triệu USD, doanh thu trên 1.400 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung - Seaprodex Danang là một trong những đơn vị mạnh trong lĩnh vực chế biến thủy sản- kinh doanh xuất nhập khẩu của Việt Nam.

Uy tín và vị thế thương hiệu của Seaprodex Danang ngày càng được khẳng định đối với thị trường trong nước và quốc tế. Năm 2007, Seaprodex Danang đã được tổ chức UNDP công nhận là một trong 200 doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam; liên tục được xếp hạng trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) do báo Vietnamnet bình chọn; đạt giải thương hiệu mạnh Việt Nam do Thời báo kinh tế Việt Nam bình chọn và là năm thứ bảy (2004-2010) liên tiếp đạt danh hiệu “doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” do Bộ Công Thương xét chọn.

b. *Triển vọng phát triển của ngành*

Năm 2007, Việt Nam gia nhập WTO đã mang lại nhiều cơ hội phát triển cho ngành thủy sản như: các sản phẩm thủy sản thâm nhập sâu rộng hơn vào thị trường thế giới, sự ưu đãi hơn về thuế quan, xuất xứ hàng hóa, hàng rào phi thuế quan và những lợi ích về đối xử công bằng, bình đẳng ... sẽ tạo điều kiện để hàng thủy sản Việt Nam có khả năng cạnh tranh hơn trên thị trường thế giới.

Theo dự báo phát triển xuất khẩu thủy sản của FAO, sự tăng trưởng dân số, cũng như sự xuất hiện những căn bệnh ở gia cầm, gia súc... khiến cho xu hướng chuyển sang ăn thức ăn từ thủy sản tăng, mức tiêu thụ thủy sản sẽ ngày càng tăng cao.

Nhờ những đặc tính như hương vị thơm ngon, chủng loại phong phú, chất lượng, độ an toàn cao, hàng thủy sản Việt Nam có khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới, trở thành một trong những nước xuất khẩu thủy sản hàng đầu thế giới. Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta trong thời gian tới sẽ mang lại cho Ngành thủy sản những ưu đãi hơn về thuế quan. Theo chương trình phát triển xuất khẩu thủy sản đến năm 2010 và tầm nhìn 2020 của Bộ Thủy sản (nay thuộc Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn), Ngành thủy sản phấn đấu đến năm 2010 đạt giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản 4 tỷ USD, phấn đấu nâng cao năng lực cạnh tranh sánh ngang với các nước đang phát triển, đưa thủy sản tiếp tục là ngành kinh tế mũi nhọn và là một trong những ngành hàng xuất khẩu chủ lực của cả nước.

Với nhu cầu thực phẩm thủy sản thế giới tăng cao như dự báo, định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung trong các năm tới hoàn toàn phù hợp với triển vọng phát triển chung của Ngành thủy sản Việt Nam.

c. *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới*

Ngay từ những ngày đầu hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần, Công ty đã xác định :

- Seaprodex Danang muốn hướng đến việc xây dựng một Công ty kinh doanh đa lĩnh vực, có khả năng mang lại giá trị tốt nhất cho khách hàng, đảm bảo quyền lợi của các đối tác thông qua khả năng sinh lợi cao và uy tín Công ty ngày càng

vững chắc, mang lại cuộc sống ngày càng được nâng cao và niềm tự hào cho mỗi người lao động trong Công ty.

- Seaprodex Danang trân trọng và quan tâm đến mỗi khách hàng, mỗi đối tác thông qua việc tạo lập một hệ thống hoạt động năng động - chuyên nghiệp - hiệu quả, một môi trường làm việc thân thiện, văn hóa, nhằm nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng, của đối tác với sự hoàn thiện liên tục những tiêu chuẩn chất lượng về hệ thống, về nguồn lực và sản phẩm.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản Miền Trung tin tưởng rằng, định hướng phát triển của Công ty về lĩnh vực Xuất nhập khẩu Thủy sản là phù hợp với xu hướng của nền kinh tế, thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty ngày càng mở rộng và tăng nhanh, trong thời gian tới.

9. Chính sách đối với người lao động

a. Số lượng người lao động trong Công ty

Cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện ở bảng sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động	1.122	100
- Trình độ trên đại học	5	0,44
- Trình độ đại học, cao đẳng	147	13,10
- Trình độ trung cấp	114	10,16
- Trình độ sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	558	49,73
- Lao động phổ thông	298	26,57
Theo loại hợp đồng lao động	1.122	100
- Hợp đồng không thời hạn	320	28,52
- Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	597	53,20
- Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	205	18,28
Theo giới tính	1.122	100
- Nam	442	39,39
- Nữ	680	60,61
Theo tính chất lao động	1.122	100
- Lao động trực tiếp	861	76,73
- Lao động gián tiếp	261	23,30

Nguồn : CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung – Thời điểm 30/06/2011

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Các phòng ban trong công ty căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng, đề xuất lên Ban Nhân sự - Hành chính- Pháp chế (NS-HC-PC); Ban NS-HC-PC tập hợp nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị và trình lên Ban Tổng Giám đốc phê duyệt. Sau khi nhận được sự chấp thuận của Ban Tổng Giám đốc, Ban NS-HC-PC tiến hành thu thập hồ sơ xin việc, xem xét hồ sơ và tiến hành phỏng vấn, thi viết và lựa chọn.

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Công ty, Công ty đặc biệt chú trọng tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực như :

- *Đào tạo bên trong*: Được tổ chức tại Công ty; Hình thức đào tạo: ngắn hạn và tập trung; Nội dung đào tạo: nâng bậc tay nghề, quản lý sản xuất, quản lý chất lượng; Đối tượng đào tạo: quản lý chất lượng, cán bộ từ tổ phó trở lên, công nhân.
- *Đào tạo bên ngoài*: Gửi đi đào tạo tại các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp cho các bậc đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Hình thức đào tạo: dài hạn, ngắn hạn;
- Nội dung đào tạo: chế biến thủy sản, tài chính kế toán, quản trị kinh doanh, quản lý chất lượng;
- Đối tượng đào tạo: Cán bộ quản lý, NV các phòng ban nghiệp vụ, quản lý chất lượng. Toàn bộ kinh phí đào tạo do Công ty đài thọ.

Đến nay hầu hết cán bộ quản lý tại các phòng ban, phân xưởng đều đã học qua các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Việc đào tạo được tiến hành kết hợp song song với việc tích cực áp dụng hệ thống quản lý chất lượng HACCP, ISO 9001:2000, BRC.

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty coi chính sách lương là đòn bẩy kinh tế đối với người lao động. Nguồn thu chính, chủ yếu của người lao động trong Công ty là từ lương và thưởng từ quỹ lương.

- Tiền lương: Được trả trực tiếp cho người lao động, gồm:
 - Công nhân trực tiếp sản xuất: Được trả lương theo sản phẩm làm ra.
 - Cán bộ quản lý, NV văn phòng: Được trả lương theo hệ số do Công ty ban hành.
- Chế độ ngoài lương chính:
 - Làm thêm giờ, làm thêm ngày chủ nhật, lễ v.v...: theo Luật Lao động
 - Tiền ăn giữa ca
 - Nghỉ phép
- Thưởng:
 - Thưởng năm: Người lao động được thưởng 1 lần vào cuối năm
 - Thưởng đột xuất: Áp dụng đối với các trường hợp có thành tích xuất sắc đột xuất trong sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm. Mức thưởng căn cứ vào thành tích và hiệu quả mang lại.
- Chính sách trợ cấp

Công ty trợ cấp đột xuất cho các trường hợp người lao động bị bệnh hiểm nghèo, tai nạn lao động, thiên tai hỏa hoạn, v.v... Công ty xét trợ cấp trên cơ sở đề nghị của Ban chấp hành Công đoàn.

Các đoàn thể trong Công ty được tạo điều kiện hoạt động, vì thế người lao động cũng có thêm điểm tựa để gắn bó hết mình với Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty sau khi phân bổ cho các quỹ như : quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng phúc lợi, ... thì sẽ chi trả cổ tức cho cổ đông theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2011 là 15% trên vốn cổ phần tại thời điểm đại hội cổ đông thường niên ngày 16/04/2011.

11. Tình hình tài chính

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Niên độ kế toán: Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

a. Trích khấu hao tài sản cố định

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình, Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 – Tài sản cố định hữu hình, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 – Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/QĐ – BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 12 năm

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2010 của SPD

b. Mức lương bình quân

Nội dung	2009	2010	9 tháng/2011
Thu nhập bình quân	2.330.000 đ	3.323.000 đ	4.078.000 đ

Nguồn: SPD

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty 9 tháng đầu năm 2010 là 4.078.000 đồng/người. Đây là mức thu nhập trung bình khá so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác như: Phải trả người bán, Phải trả công nhân viên, Phải trả phải nộp khác được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Các nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước được Công ty đóng theo đúng quy định của pháp luật. Công ty thực hiện việc trích – nộp bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp, v.v... đầy đủ theo luật định.

e. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Hiện tại, Công ty không có các khoản nợ quá hạn. Các khoản nợ phải trả của công ty được thanh toán đúng hạn.

f. Tình hình nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước*Đơn vị: triệu đồng*

Khoản mục	Năm 2009	Năm 2010	9 tháng/2011
Thuế GTGT đầu ra	11.930	431	90
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.794	2.161
Thuế xuất nhập khẩu	729	218	423
Thuế thu nhập DN	1.139	3.517	(100)
Thuế thu nhập cá nhân	36	115	66
Tổng cộng	13.833	6.076	2.640

(Nguồn: BCKT 2009, 2010 và BCTC Quý III/2011)

Các loại thuế phải nộp theo Luật định Công ty đã thực hiện kê khai theo đúng các quy định hiện hành và được thanh toán cho Cơ quan thuế đúng hạn.

g. Trích lập các quỹ

Việc trích lập và sử dụng các quỹ theo Điều lệ và do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty trích lập các quỹ như: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Tỷ lệ trích lập các quỹ do HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tùy theo trong năm sản xuất và mục tiêu phát triển của Công ty.

Số dư các Quỹ như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	9 tháng/2011
Quỹ đầu tư phát triển	4.172.619.726	7.473.086.626	7.473.086.626
Quỹ dự phòng tài chính	749.625.821	1.182.012.628	2.170.657.633
Quỹ khác thuộc vốn CSH	-	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.062.007.149	9.066.978	617.695.311
Tổng cộng	5.984.252.696	8.664.166.232	10.261.439.570

(Nguồn: BCKT năm 2009, 2010 và BCTC Quý III/2011)

h. Tổng dư nợ vay

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	9 tháng/2011
Vay và nợ ngắn hạn	366.679	357.982	289.378
Vay và nợ dài hạn	36.080	23.472	34.035
Tổng cộng	402.759	381.454	323.413

(Nguồn: BCKT năm 2009, 2010 và BCTC Quý III/2011)

Công ty luôn thanh toán đúng hạn các khoản nợ vay theo như cam kết ghi trong hợp đồng tín dụng. Do vậy, đến thời điểm hiện nay Công ty không có các khoản vay nào thuộc diện quá hạn.

i. Tình hình công nợ**Các khoản phải thu***Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	9 tháng/2011
Phải thu của khách hàng	310.095	253.711	219.361
Trả trước cho người bán	8.523	20.400	12.698
Các khoản phải thu khác	1.255	2.026	4.178
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(24.498)	(29.595)	(35.468)
Tổng cộng	295.475	246.543	200.767

*Nguồn: BCKT năm 2009, 2010 và BCTC Quý III/2011)***Các khoản phải trả***Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	9 tháng/2011
I. Nợ ngắn hạn	420.431	404.870	329.229
1. Vay và nợ ngắn hạn	366.679	357.982	289.378
2. Phải trả người bán	21.357	18.009	9.797
3. Người mua trả tiền trước	1.215	1.812	670
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	13.833	6.076	2.757
5. Phải trả cho người lao động	10.950	15.885	15.935
6. Chi phí phải trả	827	2.359	6.403
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.506	2.738	3.672
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.062	9	618
II. Nợ dài hạn	36.540	24.032	34.542
1. Vay và nợ dài hạn	36.080	23.472	34.035
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	460	561	508
Tổng cộng	456.971	428.902	363.772

Nguồn: BCKT năm 2009, 2010 và BCTC Quý III/2011

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010	9T/2011
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	lần	1,10	1,13	1,19
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0,77	0,76	0,69
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ (Tổng nợ/Tổng tài sản)	lần	0,84	0,80	0,78
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	lần	5,07	4,09	3,50
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	12,67	8,80	5,93
Doanh thu thuần/Tổng Tài sản	lần	2,51	2,59	2,16
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,76	1,66	0,93
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,05	4,23	1,90
Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu BQ	%	12,08	23,49	9,10
Lợi nhuận từ HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	0,76	1,88	1,17

Năm 2010 vẫn là năm còn nhiều khó khăn và thử thách đối với nền kinh tế. Trong tình hình khó khăn chung đó SEAPRODEX DANANG đã phải cố gắng hết mình để duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm qua. Điều đó được thể hiện rõ nét qua bảng tóm tắt các chỉ tiêu tài chính của SEAPRODEX DANANG.

Nhìn chung tình hình kinh doanh của SEAPRODEX DANANG năm 2010 khả quan hơn năm 2009. Khả năng thanh toán vẫn đảm bảo ổn định, hệ số thanh toán nợ ngắn hạn trên 1 và khả năng thanh toán nhanh trên 0,7. Đây là các chỉ số được coi là tính thanh khoản tốt so với các công ty cùng ngành.

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn và các chỉ tiêu về năng lực hoạt động không có gì biến động so với năm 2009.

Riêng các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2010 tốt hơn nhiều so với năm 2009. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần năm 2010 là 1,66% so với tỷ lệ 0,76% của năm 2009 (tăng 2,18 lần). Hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân năm 2010 là 4,23% so với tỷ lệ 2,05% của năm 2009 (tăng 2,06 lần). Đây là kết quả rất đáng ghi nhận trong điều kiện kinh tế khó khăn như hiện nay.

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

- **Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1. Hội đồng quản trị			
LÊ HỒNG SƠN	Chủ tịch HĐQT	1958	200025757
LÝ TIẾT DŨNG	Phó chủ tịch HĐQT	1962	023629845
THÁI BÁ NAM	Ủy viên	1965	200659401
NGUYỄN ĐÌNH TRÍ	Ủy viên	1965	200674939
2. Ban Kiểm Soát			
NGUYỄN ANH TUẤN	Trưởng BKS	1970	201140935
TRẦN PHƯỚC THÁI	Thành viên	1963	200624493
HUỲNH HUY HOÀ	Thành viên	1979	201401318
3. Ban Giám Đốc			
LÊ HỒNG SƠN	Tổng Giám đốc	1958	200025757
THÁI BÁ NAM	Phó Tổng Giám đốc	1965	200659401
TRẦN NHƯ THIÊN MỸ	Kế toán trưởng	1969	201542539

- Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:

Họ và tên	LÊ HỒNG SƠN
Giới tính	Nam
Ngày sinh	18/09/1958
Nơi sinh	Cảnh Dương, Bồ Trạch, Quảng Bình
Số chứng minh nhân dân	200025757
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	76 Hải Phòng, Q.Hải Châu, Đà Nẵng
Trình độ văn hóa	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kinh tế Công nghiệp
Chức vụ hiện tại	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Thành viên HĐQT Cty CP XNK Thủy Sản Hà Nội (Seaprodex Hanoi)
<p>Quá trình công tác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tháng 10/1978 đến tháng 11/1981: Bộ đội - Tháng 12/1981 đến tháng 01/1986: Sinh viên - Tháng 02/1986 đến tháng 02/1990: Chuyên viên, công ty lương thực TW3 - Tháng 03/1990 đến tháng 12/1993: Chuyên viên, Xí nghiệp sản xuất bao bì thuộc Công ty XNK Thủy sản miền Trung - Tháng 01/1994 đến tháng 12/1996: Chuyên viên, Trung tâm Thương mại XNK thuộc công ty XNK Thủy sản miền Trung - Tháng 01/1997 đến tháng 03/1997: Chuyên viên, Công ty XNK Thủy sản miền Trung - Tháng 04/1997 đến tháng 09/2004: Phó trưởng ban nhập khẩu công ty XNK Thủy sản miền Trung - Tháng 10/2004 đến tháng 10/2005: Giám đốc chi nhánh Công ty XNK Thủy sản 	

miền Trung tại Tp Hà Nội	
<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 11/2005 đến tháng 12/2006: Phó Giám đốc Công ty XNK Thủy sản miền Trung kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty tại Tp Hà Nội - Tháng 01/2007 đến tháng 12/2007: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung, kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung tại TP Hồ Chí Minh và Tp Hà Nội - Tháng 01/2008 đến 16/04/2011: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung, kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung tại Hà Nội - Tháng 04/2011 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung, kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung tại TP HCM. 	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	<ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần sở hữu cá nhân : 57.357 cổ phần tương ứng 0,76% vốn điều lệ - Số cổ phần sở hữu đại diện vốn NN: 1.832.654 cổ phần tương ứng 24,24% vốn điều lệ
Số lượng cổ phần của những người liên quan	Vợ: Phan Thị Thu Hà: 105.890 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

Họ và tên	LÝ TIẾT DŨNG
Giới tính	Nam
Ngày sinh	05/06/1962
Nơi sinh	Đà Nẵng
Số chứng minh nhân dân	023629845
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	01 Lý Tự Trọng, Quận 1, TP.HCM
Trình độ văn hóa	Đại học
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Địa chất, Cử nhân Tin học
Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Giám đốc Công ty TNHH Bảo Duy
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1984 đến năm 1988: Kỹ sư, Phân viện Quy hoạch Thủy lợi Nam bộ. - Từ năm 1988 đến năm 1990: Kỹ sư, Công ty XNK Tổng hợp 2 - Từ năm 1990 đến năm 1994: Phó phòng XNK, Công ty XNK Bao bì - Packsimex - Từ năm 1994 đến năm 2000: Phó Giám đốc Công ty TNHH Tam Quan - Từ năm 2000 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Bảo Duy - Từ tháng 01/2007 đến nay: Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	Cá nhân: 212.356 cổ phần tương ứng 2,81%/ vốn điều lệ
Số lượng cổ phần của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

Họ và tên	THÁI BÁ NAM
Giới tính	Nam
Ngày sinh	22/12/1965
Nơi sinh	Điện Hòa, Điện Bàn, Quảng Nam
Số chứng minh nhân dân	200659401
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Lô 29 B2 đường 2/9, Q.Hải Châu, Đà Nẵng
Trình độ văn hóa	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán
Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung, kiêm Giám đốc Công ty CB&XK Thủy sản Thọ Quang
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không

Quá trình công tác

- Từ tháng 01/1983 đến tháng 07/1988: Cán bộ kế toán Ngân hàng Điện Bàn, Quảng Nam
- Từ tháng 08/1988 đến tháng 03/2002: Chuyên viên kế toán Công ty XNK Thủy sản miền Trung
- Từ tháng 04/1997 đến tháng 12/2001: Kiêm kế toán trưởng Công ty xây lắp và DVXL Thủy sản miền Trung
- Từ tháng 04/2002 đến tháng 03/2004: Phó kế toán trưởng Công ty XNK Thủy sản miền Trung
- Từ tháng 04/2004 đến tháng 12/2006: Kế toán trưởng Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung
- Từ tháng 01/2007 đến 12/2007: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính - Kế hoạch - Đầu tư Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung.
- Từ tháng 01/2008 đến 12/2009: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính - Kế hoạch - Đầu tư Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung kiêm Giám đốc Công ty CB&XK Thủy sản Thọ Quang.
- Từ 01/2010 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung kiêm Giám đốc Công ty CB&XK Thủy sản Thọ Quang.



Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	- Đại diện phần vốn Nhà nước: 1.134.000 cổ phần tương ứng 15%/vốn điều lệ - Cá nhân: 31.929 cổ phần tương ứng 0,42%/vốn điều lệ
Số lượng cổ phần của những người liên quan	Vợ: Phạm Thị Xuân: 106.271 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

Họ và tên	NGUYỄN ĐÌNH TRÍ
Giới tính	Nam
Ngày sinh	10-05-1965
Nơi sinh	TP Đà Nẵng
Số chứng minh nhân dân	200674939
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	93 Lê Đình Dương, Thành phố Đà Nẵng
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản (Chi nhánh CTCP XNK Thủy sản Miền Trung)
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1988 - 2005: Làm việc tại Ban Tài chính - Kế hoạch - Đầu tư Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung. - Từ năm 2006 đến nay : Làm việc tại Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản thuộc Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	<ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần sở hữu cá nhân : 29.628 CP chiếm 0,39% vốn điều lệ - Số cổ phần sở hữu đại diện vốn NN : 1.134.000 CP chiếm 15% vốn điều lệ.
Số lượng cổ phần của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

Họ và tên	NGUYỄN ANH TUẤN
Giới tính	Nam
Ngày sinh	31/12/1970
Nơi sinh	Quế Sơn, Quảng Nam
Số chứng minh nhân dân	201140935
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	H30/6 Phan Tứ, P.Mỹ An, Q.Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Trình độ văn hóa	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Thống kê
Chức vụ hiện tại	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung kiêm Phó Giám đốc Công ty CB&XK Thủy sản Thọ Quang
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
<p>Quá trình công tác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 08/1994 đến tháng 04/1999: Chuyên viên phòng kế hoạch, Xí nghiệp Thủy sản 86 thuộc Công ty XNK Thủy sản miền Trung - Từ tháng 05/1999 đến tháng 09/2003: Phó phòng kế hoạch, Xí nghiệp Thủy sản 86 thuộc Công ty XNK Thủy sản miền Trung - Từ tháng 10/2003 đến tháng 12/2006: Trưởng phòng kế hoạch, Công ty CB&XK Thủy sản Thọ Quang thuộc Công ty XNK Thủy sản miền Trung - Từ tháng 11/2006 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CB&XK Thủy sản Thọ Quang thuộc Công ty XNK Thủy sản miền Trung nay là Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung - Từ tháng 01/2007 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung 	



Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	Cá nhân: 29.090 cổ phần tương ứng 0,38%/Vốn điều lệ
Số lượng cổ phần của những người liên quan	Vợ: Lê Thị Hoa: 580 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

Họ và tên	TRẦN PHƯỚC THÁI
Giới tính	Nam
Ngày sinh	08/04/1963
Nơi sinh	Điện Thắng, Điện Bàn, Quảng Nam
Số chứng minh nhân dân	200624493
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	25 Hùng Vương, P.Hải Châu 1, Q.Hải Châu, Đà Nẵng
Trình độ văn hóa	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán - Tài chính
Chức vụ hiện tại	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó Phòng Tài chính-Kế toán Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam.
<p>Quá trình công tác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 10/1986 đến tháng 11/2005: Công tác tại Công ty Thủy sản Khu vực II - Từ tháng 12/2005 đến nay: Công tác tại Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Từ tháng 01/2007 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung - Từ tháng 04/2011 đến nay: Phó Phòng Tài chính-Tổng hợp Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam. 	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	Không
Số lượng cổ phần của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

Họ và tên	HUỲNH HUY HÒA
Giới tính	Nam
Ngày sinh	23/02/1979
Nơi sinh	Hà Nội
Số chứng minh nhân dân	201401318
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	305 Hải Phòng, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế - quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện tại	Thành viên Ban kiểm soát kiêm Thư ký Hội đồng quản trị kiêm Phó Ban Tài chính - kế hoạch - đầu tư Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
<p>Quá trình công tác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 2000-2005: Chuyên viên Kế hoạch-Đầu tư Trung tâm quản lý bay Miền Trung. - Từ năm 2005-2007: Chuyên viên Phòng Đầu tư Sở Tài chính TP Đà Nẵng. - Từ năm 2007 đến nay: Phó Ban Tài chính-Kế hoạch-Đầu tư Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung. 	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	10.000 CP chiếm 0.13% vốn điều lệ
Số lượng cổ phần của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

Họ và tên	TRẦN NHƯ THIÊN MỸ
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	11/06/1969
Nơi sinh	Ninh Hòa –Khánh Hòa
Số chứng minh nhân dân	201542539
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	K31/11 Lê Hồng Phong – Đà Nẵng
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán tài chính, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện tại	Kế toán trưởng – Seaprodex Danang kiêm Trưởng Ban TC-KH-ĐT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó CT HĐQT CTCP Thủy sản 584 Nha Trang.
<p>Quá trình công tác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 1991 -11/1993: Kế toán –Seaprodex Nha Trang - Từ 12/1993 -11/2003: Kế toán–Cty XNK Thủy Sản Miền Trung (Seaprodex Danang) - Từ 12/2003-2006: Thư ký, trợ lý Giám đốc –Seaprodex Danang - Từ 1/2007- 8/2007: Phó Ban TC-KH-ĐT (Seaprodex Danang) - Từ 9/2007- 2009: Phó Giám đốc Cty CB & XK Thủy Sản Thọ Quang (Seaprodex Danang) - Từ 01/2010 – nay: Trưởng Ban TC-KH-ĐT kiêm Kế toán trưởng –Seaprodex Danang 	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	Số cổ phần sở hữu cá nhân : 20.000 CP chiếm tỉ lệ 0,264% vốn điều lệ.
Số lượng cổ phần của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

13. Tình hình tài sản

Giá trị tài sản cố định hữu hình và vô hình của Công ty theo Báo cáo tài chính tính đến thời điểm 31/12/2010 được thể hiện như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Hạng mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	157.348	49.287	31,32
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	48.518	18.235	37,58
2	Máy móc thiết bị	100.604	27.912	27,74
3	Phương tiện vận tải	7.021	3.085	43,94
4	Dụng cụ quản lý	1.205	55	4,56
II	Tài sản cố định vô hình	11.406	9.204	80,69
1	Chi phí san lấp mặt bằng	2.202	-	0
2	TSCĐ vô hình khác	9.204	9.204	100
	Tổng cộng	168.754	58.491	34,66

Nguồn: BCTC kiểm toán 2010

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức những năm tiếp theo**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.280	1.408	1.548
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	10,5	14	15
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần	%	0,82	0,99	0,97
Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu	%	8,10	10,80	11,55
Cổ tức	%	15	15	16

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

- Trong điều kiện khó khăn chung, Công ty sẽ kiên quyết cắt giảm những lĩnh vực kinh doanh sản phẩm, dịch vụ ít hiệu quả, nhiều rủi ro. Tập trung khai thác sản phẩm, dịch vụ vốn là thế mạnh của công ty đồng thời tìm kiếm thêm các nguồn hàng mới để gia tăng công việc và doanh thu cho công ty.
- Thực hiện những phương pháp quản lý rủi ro chặt chẽ, áp dụng các biện pháp

thích hợp để xử lý các khoản nợ quá hạn, nợ xấu phát sinh.

- Cùng cố đội ngũ CBCNV theo hướng tinh gọn, đảm bảo tăng năng lực quản trị điều hành và tăng năng suất lao động. Đồng thời có cơ chế thưởng hợp lý và xứng đáng cho những cá nhân, đơn vị hoàn thành vượt mức kế hoạch Công ty giao trong năm 2011. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu đơn vị và lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao làm thước đo chủ yếu trong việc đánh giá.
- Thực hành tiết kiệm và hạn chế thấp nhất lượng nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT – Chi nhánh Hồ Chí Minh đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung là doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm hoạt động trong ngành, có đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm thủy hải sản đã tạo cho Công ty có vị thế trên thị trường.

Nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng đang trên đà phục hồi kéo theo ngành xuất nhập khẩu thủy sản tăng trưởng nhanh chóng do vậy, nhu cầu sử dụng sản phẩm không ngừng tăng lên. Đây cũng là tiềm năng của Công ty trong tương lai.

Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong 3 năm 2011 - 2013 là có tính khả thi, và Công ty cũng đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch hàng năm.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Công ty Cổ phần XNK Thủy Sản Miền Trung cam kết sẽ đưa cổ phiếu của Công ty sau đợt phát hành tăng vốn này vào giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán có tổ chức trong thời hạn 1 năm, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu

Công ty không có tranh chấp kiện tụng.

V. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH.

1. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông

2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần

3. **Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành:** 2.520.000 cổ phần

4. **Giá chào bán dự kiến:** 10.000 đồng/cổ phần

5. **Thời gian phân phối cổ phiếu:**

Dự kiến sẽ thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ khi có giấy chứng nhận đăng ký chào bán của UBCKNN

6. **Đăng ký mua cổ phiếu**

6.1 **Thời hạn:**

Thời hạn đăng ký quyền mua và nộp tiền: Kể từ ngày cổ đông hiện hữu được thông báo quyền mua, đăng ký và nộp tiền mua trong thời hạn 20 ngày làm việc.

6.2 **Số lượng:**

Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 2.520.000 cổ phần

6.3 **Phương thức thanh toán:**

- Đối với cổ đông hiện hữu đã lưu ký: thanh toán bằng chuyển khoản tại Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.

- Đối với cổ đông hiện hữu chưa lưu ký: thanh toán bằng chuyển khoản theo tài khoản VND theo thông tin như sau :

- Chủ tài khoản : Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung
- Số tài khoản : 0041000131993
- Tại Ngân hàng : Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi Nhánh Đà Nẵng (VCB Danang).

6.4 **Chuyển giao cổ phiếu:**

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, tổ chức phát hành phải có trách nhiệm chuyển giao cổ phiếu cho người mua.

7. **Phương thức thực hiện quyền**

7.1 **Điều kiện thực hiện quyền:**

+ Đối với cổ đông hiện hữu: Vào ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu 01 cổ phần sẽ được 01 quyền mua, cứ 03 quyền mua sẽ được mua thêm 01 cổ phần mới.

7.2 **Thời gian thực hiện quyền:**

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm lưu ký chứng khoán phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký.

7.3 Tỷ lệ thực hiện quyền:

Cổ đông sở hữu 03 (ba) cổ phần cũ được quyền mua 1 (một) cổ phần mới

7.4 Phương pháp xử lý trong trường hợp không thực hiện được quyền:

Số cổ phần dư ra do số cổ phần lẻ được làm tròn đến hàng đơn vị và số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền sẽ được ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đối tượng phân phối lại với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần.

7.5 Các điều khoản khác có liên quan:

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phần chào bán theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ ba) trong thời gian thực hiện quyền.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền của cổ đông.

8. Kế hoạch phân phối cổ phiếu

Lịch trình phân phối cổ phiếu phát hành được thực hiện theo trình tự như sau:

STT	Công việc	Thời gian (ngày)
1	Công bố thông tin đợt phát hành	T+7
2	Chốt ngày đăng ký cuối cùng phát hành cổ phiếu	T+12
3	Phân bổ và thông báo quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu	Đến ngày T+22
4	Cổ đông hiện hữu đăng ký và nộp tiền mua cổ phần (theo quy định tối thiểu 20 ngày)	Từ ngày T+23 đến T+43
5	Thành viên lưu ký (TVLK) tổng hợp việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu và chuyển về cho TTLK	T+43 đến T+53
6	Trung tâm lưu ký gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa	T+63
7	Xử lý số cổ phiếu không bán hết	T+63 đến T+73
8	Báo cáo kết quả phát hành và hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch bổ sung	T+73 đến T+78
9	Sở GDCK Hà Nội chấp thuận đăng ký bổ sung cổ phiếu phát hành	Ngày T+83
10	Cổ phiếu phát hành chính thức giao dịch	Ngày T+90

Ghi chú :

- T: là ngày nhận Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán do UBCK cấp.
- Các ngày trong lịch trình dự kiến được tính là ngày làm việc.

Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài ở ngoài Việt Nam

Đối với cổ đông hiện hữu: Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định 55/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 15/4/2009 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, theo đó cá nhân, tổ chức nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của tổ chức phát hành.

9. Các hạn chế liên quan đến việc sở hữu và chuyển nhượng cổ phần mới chào bán: Không có

10. Các loại thuế có liên quan

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình cổ phần từ ngày 14/12/2006 (theo giấy ĐKKD), hiện nay Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung đang chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

11. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

Tên tài khoản : Công ty cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy Sản Miền Trung

Số hiệu tài khoản: 0041000131993

Tên Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (VCB Đà Nẵng)

Địa chỉ: 140-142 Lê Lợi – Quận Hải Châu – Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : (0511) 3822110; Fax: (0511) 3826062

VI. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

Căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 10/09/2011 của CTCP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung đã thông qua kế hoạch phát hành tăng vốn điều lệ nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty để góp phần tăng năng lực cạnh tranh, nâng cao năng lực tài chính của Công ty và tạo điều thuận lợi cho việc niêm yết trên sàn chứng khoán sau này.

Theo tính toán của Hội đồng quản trị, cuối năm 2011 và đầu năm 2012, Công ty cần nguồn vốn từ 100 tỷ đến 150 tỷ để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên trong điều kiện kinh tế khó khăn như hiện nay, việc vay vốn ngân hàng sẽ gặp nhiều khó khăn và với chi phí vay khá cao. Theo đó, Công ty sẽ không thể vay ngân hàng với lãi suất này để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, vì sẽ làm chi phí tài chính của Công ty tăng lên cao dẫn đến giảm lợi nhuận. Ngoài ra, Công ty cũng không thể giảm nhanh nguồn vốn vay. Do đó, để đảm bảo Công ty chủ

động về nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, không phải vay với lãi suất cao, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định thực hiện phát hành cho cổ đông hiện hữu, là các cổ đông đã gắn bó và hiểu rất rõ định hướng phát triển, tình hình kinh doanh của Công ty.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

❖ Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành

Số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành là: 25.200.000.000 đồng sẽ được sử dụng bổ sung vốn lưu động, dùng để mua nguyên vật liệu, vật tư, công cụ phục vụ sản xuất kinh doanh, dự kiến như sau :

Đơn vị tính : đồng

STT	Các khoản mục	Số tiền
1	Mua nguyên liệu thủy sản để sản xuất xuất khẩu và mua vật tư nhập khẩu để bán trong nước	25.200.000.000
	Tổng cộng	25.200.000.000

Phần vốn lưu động còn thiếu, công ty sẽ huy động từ các nguồn vốn khác.

❖ Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu bán không hết và phương án khi không thu đủ tiền từ đợt chào bán

- **Nguyên tắc xác định cổ phiếu lẻ và Phương án xử lý cổ phiếu lẻ:** Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm theo tỷ lệ 3:1 cổ phần (Cổ đông sở hữu 3 cổ phần sẽ được mua 1 cổ phiếu mới). Số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần số lẻ dưới một đơn vị sẽ được làm tròn bằng 0. Cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) của đợt phát hành sẽ được Hội đồng quản trị quyết định phân phối tiếp theo cho các đối tượng khác có nhu cầu muốn mua với điều kiện mua cổ phiếu với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.

- **Phương án xử lý cổ phiếu không bán hết:**

Số lượng cổ phần không thực hiện quyền phát sinh do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết (nếu có) sẽ được Hội đồng quản trị quyết định phân phối tiếp theo cho các đối tượng khác có nhu cầu muốn mua với điều kiện mua cổ phiếu với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.

- **Phương án khi không thu đủ tiền từ đợt chào bán**

Từ số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành này, Công ty sẽ cân đối, ưu tiên sử dụng bổ sung vào các nhu cầu vốn lưu động cần thiết trước nhằm phục vụ sản xuất

kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả nhất. Trong trường hợp nguồn vốn này vẫn không đảm bảo đủ nhu cầu vốn lưu động cần thiết, Công ty sẽ huy động từ các nguồn khác như vay ngân hàng, v.v...

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổ chức Phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ : 261- 263 Phan Châu Trinh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : (0511) 3.821 436 – 3.823768

Fax : (0511) 3.823 769 – 3.824 778

2. Tổ chức kiểm toán.

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ : Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 đường Cầu Giấy, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại : (04) 6.267 0491

Fax : (04) 6.267 0494

3. Tổ chức tư vấn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở : 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại : (04) 3.773 7070 Fax: (04) 3.773 9058

Chi nhánh : 29-31 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 6.290 8686 Fax: (08) 6.291 0560

PHỤ LỤC

- Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty
- Phụ lục III:** Báo cáo kiểm toán năm 2009, 2010, Báo cáo tài chính Quý II/2011
- Phụ lục IV:** Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BGD, BKS
- Phụ lục V:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty
- Phụ lục VI:** Các tài liệu khác

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 12 năm 2011

<u>TỔ CHỨC PHÁT HÀNH</u>	
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG	
CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC	
LÊ HỒNG SƠN	
KẾ TOÁN TRƯỞNG	TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
TRẦN NHƯ THIÊN MỸ	NGUYỄN ANH TUẤN

<u>TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH</u>
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN TRUNG